TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1989, sau đó chính thức đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/4/2015. Tuy nhiên sau đó do mâu thuẫn về kinh tế và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không được hạnh phúc. Vào tháng 6 năm 2019 khi ông T đang đi làm ở M thì được biết tin bà T đã bỏ đi lao động ở Đài Loan. Ông và bà T đã ly thân từ giữa năm 2019 đến nay và vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau. Nay ông T xác định vợ chồng ly thân đã nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng nên ông đề nghị tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Ông T và bà T có 03 con chung là Hoàng Thị V, sinh năm 1990 hiện đã có gia đình riêng, Hoàng Cẩm L, sinh năm 1995 và Hoàng Anh T, sinh năm 2001. Hiện hai con Hoàng Cẩm L và Hoàng Anh T đang ở cùng với ông T, tuy nhiên cả 3 con chung đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành nên ông không đề nghị tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà T có tài sản chung nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, con gái của ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị T là chị Hoàng Thị V trình bày: Chị là con gái lớn của ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị T. Mâu thuẫn của bố mẹ chị cụ thể thì chị cũng không nắm được. Mẹ chị là bà T hiện đang đi lao động tại Đài Loan. Do bà T không nói địa chỉ cụ thể nên chị không cung cấp địa chỉ của bà tại Đài Loan cho Tòa án được. Chị V và các em vẫn thường xuyên liên lạc với bà T nên chị xác định nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho bà T biết việc ông T đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho bà T biết. Chị V xác định mẹ chị là bà T đi lao động tại Đài Loan từ giữa năm 2019, khi đi bà cũng giấu gia đình, không cho bố chị và các chị em chị biết. Từ khi đi đến nay bà T chưa về nước lần nào và bà cũng không có liên lạc gì với bố chị. Qua trao đổi với bà T thì chị V xác định bà T đã biết về các văn bản tố tụng của tòa án và việc ông T đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn tuy nhiên bà T không có quan điểm gì.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử chấp nhận cho ông Hoàng Văn T ly hôn bà Phạm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Ông Hoàng Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị T là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, bà T xuất cảnh vào ngày 04/6/2019. Từ đó đến nay bà T chưa nhập cảnh lần nào.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Ông Hoàng Văn T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà T ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của bà T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu con gái của bà T là chị V cung cấp địa chỉ của bà T đến lần thứ hai nhưng chị V cũng không biết địa chỉ của bà T tại Đài Loan. Tuy nhiên chị V vẫn liên lạc được với bà T nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho bà T. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ông T vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T và bà T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1989, chính thức đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/4/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau đó do mâu thuẫn về kinh tế và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không được hạnh phúc. Vào tháng 6 năm 2019 bà T đi lao động ở Đài Loan và từ đó chưa về nước lần nào. Ông T và bà T ly thân từ giữa năm 2019 đến nay và vợ chồng không còn liên lạc với nhau.

Xét thấy hôn nhân của ông T và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua chị V thì bà T đã được biết yêu cầu ly hôn của ông T nên cần chấp nhận cho ông T ly hôn với bà T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông T và bà T có 03 con chung, nhưng các con chung đều đã trưởng thành nên HĐXX không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà T có tài sản chung, nhưng ông T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét. Nếu bà T có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Văn T được ly hôn bà Phạm Thị T.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0004805 ngày 03/12/2020. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Văn T quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND P, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng Huy